

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2022/DS-ST

Ngày: 19/9/2022

Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Ngọc Mạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Kính.

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2020/TLST-DS ngày 10/11/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2022/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Công H, sinh năm: 1957

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 219/3 đường 2/4, P, Thành phố N, tỉnh K.

Bà Nguyễn Thị T có đại diện theo uỷ quyền là: ông Phạm Công H

(Theo giấy uỷ quyền ngày 07/02/2020).

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Quốc T1, sinh năm: 1976

Địa chỉ: B1-08-02 chung cư G, 856 T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Hà T2, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: chung cư Tara Riverside, KH 1103-1A T, Phường F, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Công H
(Theo giấy uỷ quyền ngày 17/02/2020).

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 05/10/2020, bản tự khai các ngày 16/12/2020, biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 10/3/2022, 04/8/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn ông Phạm Công H trình bày:

Ông Trần Quốc T1 và bà Phạm Thị Hà T2 là vợ chồng (đăng ký kết hôn năm 2012, ly hôn năm 2016) với nhau. Bà T2 là con gái của vợ chồng ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T. Năm 2013 ông Trần Quốc T1 vẫn còn là con rể của ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T. Ông T1 có vay tiền của vợ chồng ông H, bà T số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng để kinh doanh nhà hàng, vợ chồng ông H, bà T đã chuyển khoản số tiền trên cho bà T2 và bà Phạm Thị Hà T2 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng cho ông T1. Đến năm 2016 thì bà T2 và ông T1 ly hôn, trong quá trình giải quyết ly hôn ông T1 có thừa nhận khoản vay 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng là khoản vay riêng của cá nhân ông T1, không phải là nợ chung của vợ chồng. Sau đó tại bản án ly hôn có quyết định việc số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng là khoản nợ riêng mà ông T1 nợ vợ chồng ông H bà T. Vợ chồng ông H, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả số tiền trên nhưng ông T1 không những không trả mà còn có nhiều hành động và lời nói không đúng mực đối với ông H. Do đó ông H và bà T khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Trần Quốc T1 trả lại số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, không tính lãi, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn cố tình vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà.

Tại Bản tự khai ngày 16/12/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hà T2 có đại diện theo uỷ quyền ông Phạm Công H trình bày:

Bà T2 thừa nhận bà và ông Trần Quốc T1 là vợ chồng (kết hôn năm 2012, ly hôn năm 2016), vào năm 2013 ông T1 có vay tiền của ông H và bà T (là cha mẹ ruột của bà T2) số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng để kinh doanh nhà hàng. Ông H và bà T đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà T2 số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, sau đó bà T2 cũng đã chuyển khoản toàn bộ số tiền trên vào tài khoản ngân hàng của ông T1. Đồng thời, năm 2016 khi vợ chồng bà T2, ông T1 ly hôn tại biên bản tự khai và tại phiên toà xét xử ly hôn giữa bà T2 và ông T1 thì ông T1 cũng thừa nhận có mượn riêng của ông H, bà T số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, không phải là nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8: Bà Ngô Thị Kim Sinh phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc cá nhân ông Trần Quốc T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T số tiền đã vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, không tính lãi, trả 1 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, do phù hợp với quy định của bộ luật dân sự. Án phí bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T thì đây là vụ việc dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn là ông Trần Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng ông T1 đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T1 đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 10/8/2022 ông Phạm Công H là nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hà T2 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Phạm Công H, bà Nguyễn Thị T với ông Trần Quốc T1. Do ông H lớn tuổi, sức khoẻ kém đi lại khó khăn, nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định giữa ông Phạm Công H, bà Nguyễn Thị T với ông Trần Quốc T1 có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 4, 122, 471 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản nợ là có thật nên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công H, bà Nguyễn Thị T là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Xét về hình thức của Hợp đồng vay tiền giữa ông Phạm Công H, bà Nguyễn Thị T với ông Trần Quốc T1. Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có chuyển số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng vào tài khoản ngân hàng số 14010000548014 của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn, ngày 08/01/2013 chuyển 300.000.000đ (ba trăm triệu) đồng, chuyển ngày 15/01/2013 chuyển 200.000.000đ (hai trăm triệu) đồng do bà Phạm Thị Hà T2 đứng tên. Được thể hiện trên bảng Sao kê tài khoản thanh toán khách hàng từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/01/2013 của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn. Vào ngày 10/01/2013 bà T2 chuyển số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng vào tài khoản ngân hàng số 1440101520440001 của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn do ông Trần Quốc T1 đứng tên, được thể hiện qua Ủy nhiệm chi ngày 10/01/2013 của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn. Ngày 26/8/2015 tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết ly hôn giữa ông Trần Quốc T1 và bà Phạm Thị Hà T2, khi hỏi về phần tài sản chung ông T1 có thừa nhận có nợ cha bà T2 (ông H) số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, đồng thời cũng xác nhận hai bên giao dịch bằng miệng, không có làm giấy ghi nhận việc mượn tiền này. Cả hai bên đều xác nhận thời điểm vay tiền các bên là quan hệ con rể với cha mẹ vợ nên tin tưởng không làm giấy tờ ghi nhận việc cho vay này. Căn cứ khoản 1 Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: “ Hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định.”, căn cứ vào Điều 471 bộ luật dân sự năm 2005 quy định về Hợp đồng vay tài sản cũng không có quy định về hình thức bắt buộc của hợp đồng vay tài sản. Việc giao kết bằng miệng và được giữa các bên (ông H, bà T với ông T1) thừa nhận việc giao kết hợp đồng vay tài sản này. Xét về mặt hình thức đây là hợp đồng vay tiền được hai bên giao kết bằng miệng, có văn bản ghi nhận việc giao nhận tiền, phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về nội dung Hợp đồng vay tiền, căn cứ vào lời trình và thừa nhận của ông Phạm Công H, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Hà T2, ông Trần Quốc T1 và các chứng cứ về việc giao nhận tiền như bảng Sao kê tài khoản thanh toán khách hàng từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/01/2013 của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn và Ủy nhiệm chi ngày 10/01/2013 của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn. Thể hiện ông H và bà T cho ông T1 vay số tiền vốn gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, không tính lãi, không có thời hạn vay. Khi vay tiền do ông T1 khi đó là con rể của ông H và bà T nên các bên không có thoả thuận về tiền lãi và thời hạn hợp đồng vay. Tuy nhiên khi ông T1 và bà Phạm Thị Hà T2 ly hôn, các bên có thống nhất không yêu cầu đòi nợ trong cùng vụ án ly hôn mà sẽ được giải quyết sau khi ly hôn. Sau đó phía ông H và bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 thanh toán khoản nợ trên nhưng đến nay ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản đã vay. Nay ông H và bà T yêu cầu ông T1 thanh toán khoản tiền vốn gốc đã vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, không tính lãi, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 bộ luật dân sự năm 2005 cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Trần Quốc T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Đây là khoản nợ ông Trần Quốc T1 vay trong thời kỳ hôn nhân với bà Phạm Thị Hà T2, bà T2 cũng biết khoản vay này của ông T1. Tuy nhiên khi ly hôn cả bà T2 và ông T1 cùng xác định đây là khoản nợ riêng của cá nhân ông T1 vay để bổ sung vốn cho việc kinh doanh nhà hàng của ông, chứ không phải vay để tiêu dùng, sinh hoạt cho gia đình. Phía ông H, bà T cũng đòi cá nhân ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên mà không yêu cầu bà T1 phải liên đới trả nợ chung với ông T1.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc cá nhân ông Trần Quốc T1 có trách nhiệm thanh toán ngay cho ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T số tiền vốn gốc đã vay là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, không tính lãi. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông Trần Quốc T pH chịu toàn bộ án phí. Ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Các Điều 4, 121, 122, 401, 402, 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Luật thi hành án dân sự;

- Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Tuyên xử vắng mặt đối với ông Trần Quốc T.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T buộc ông Trần Quốc T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T số tiền đã vay là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, không tính tiền lãi. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. **Ấn phí :**

Ấn phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu) đồng, ông Trần Quốc T1 phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc nhận được bản án hay bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh